

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80/2007/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

về việc tạm thời điều chỉnh thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng đối với phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất cơ bản, thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu nhựa và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4532/VPCP-KTTH ngày 16/8/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng là nguyên liệu đầu vào của sản xuất;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm thời điều chỉnh thời gian nộp thuế giá trị gia tăng đối với các mặt hàng là phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất cơ bản, thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu nhựa và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi ở khâu nhập khẩu lên 90 ngày kể từ ngày đăng ký Tờ khai hải quan.

Danh mục các mặt hàng nêu trên được chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Để được áp dụng thời gian nộp thuế theo quy định tại Điều 1 thì người nộp thuế phải là đối tượng chấp hành tốt pháp luật về thuế hoặc có bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy

định của Luật các tổ chức tín dụng trong trường hợp người nộp thuế là đối tượng chưa chấp hành tốt pháp luật về thuế.

Người nộp thuế chấp hành tốt pháp luật về thuế được xác định theo hướng dẫn tại Mục VII Phần A Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ

quan hải quan sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, các mặt hàng đủ điều kiện được gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng nêu tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này, nếu vẫn đang trong thời hạn chưa phải nộp thuế giá trị gia tăng thì được gia hạn thời gian nộp thuế đến 90 ngày kể từ ngày đăng ký Tờ khai hải quan./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung

**DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC TẠM THỜI GIA HẠN
THỜI GIAN NỘP THUẾ GTGT**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 80/2007/QĐ-BTC ngày 02/10/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Mô tả hàng hóa	Thuộc nhóm, phân nhóm
I	Nhóm thức ăn chăn nuôi	
1	Bột xương của động vật	0506.90.00.00
2	Bột vỏ sò	0508.00.90.00
3	Bột máu của động vật	0511.99.90.00
4	Sấn các loại	0714.10.10.00, 0714.10.90.00
5	Mì hạt	1001.90.99.00
6	Ngô hạt	1005.90.90.00
7	Bột từ đậu tương	1208.10.00.00
8	Bột mịn, bột thô và bột viên từ thịt và phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ	2301.10.00.00
9	Bột mịn, bột thô và bột viên từ cá, hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	2301.20.00.00
10	Cám, tấm và phế liệu khác từ ngô	2302.10.00.00
11	Cám, tấm và phế liệu khác từ thóc, gạo các loại	2302.20.00.00
12	Cám, tấm và phế liệu từ lúa mì	2302.30.00.00

096350251

STT	Mô tả hàng hóa	Thuộc nhóm, phân nhóm
13	Cám, tấm và phế liệu khác từ ngũ cốc khác	2302.40.00.00
14	Vỏ đậu tương ép	2302.50.00.00
15	Bột gluten ngô	2303.10.90.00
16	Lysin và este của nó, muối của chúng	2922.41.00.00
II	Nhóm phân bón	3101, 3102, 3103, 3104, 3105
III	Nhóm thuốc trừ sâu	3808.10.11.00; 3808.10.12.00; 3808.10.30.00; 3810.10.50.00; 3808.10.91.00; 3808.10.92.00; 3810.99.00.00
IV	Nhóm hóa chất cơ bản	Theo danh mục hóa chất cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007
V	Nhóm nguyên liệu nhựa	
1	Polyme từ etylen, dạng nguyên sinh	3901
2	Polyme từ propylen hoặc từ các olefin khác, dạng nguyên sinh	3902

STT	Mô tả hàng hóa	Thuộc nhóm, phân nhóm
3	Polyme từ styrent, dạng nguyên sinh	3903
4	Polyme từ vinyl clorua hoặc từ olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh	3904
5	Polyme từ vinyl axetat hay từ các vinyl este khác, dạng nguyên sinh; các loại polyme vinyl khác ở dạng nguyên sinh	3905
6	Polyme acrylic, dạng nguyên sinh	3906
7	Polyaxetal, polyete khác và nhựa epoxy, dạng nguyên sinh; polycarbonat, nhựa ankyt, polyalyl este và các polyeste khác, dạng nguyên sinh	3907
8	polyamit, dạng nguyên sinh	3908
9	Nhựa amino, nhựa phenolic và polyuretán, dạng nhựa nguyên sinh	3909
10	Nhựa từ dầu mỏ, nhựa cumaron-inden, polyterpen, polysulfon và các sản phẩm khác đã ghi trong chú giải 3 của Chương này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, dạng nguyên sinh	3911
11	Xenlulo và các dẫn xuất hóa học của nó, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, dạng nguyên sinh	3912

09635025

STT	Mô tả hàng hóa	Thuộc nhóm, phân nhóm
12	Polyme tự nhiên (ví dụ axit alginic) và các polyme tự nhiên đã biến đổi (ví dụ protein đã làm cứng, các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, dạng nguyên sinh	3913
13	Chất trao đổi ion làm từ các polyme thuộc các nhóm từ 39.01 đến 39.13, dạng nguyên sinh	3914